

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thùy Trang;

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Về hôn nhân giữa chị H với anh Nguyễn Hữu T do người lớn mai mối, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2011. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 03/4/2017. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2012 thì hai xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn chơi cờ bạc, đá gà, tài xỉu về

đòi tiền chị H, có bao nhiêu tiền anh T chơi bởi hết không quan tâm vợ con, chị H cố gắng chịu đựng đến năm 2021 thì chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị H xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H với anh Nguyễn Hữu T có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017, hiện Kim T sống với chị H, Hữu N sống với anh T. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con tên Kim T và chị H đồng ý giao con tên Hữu N cho anh T nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 28/6/2022 của ông Nguyễn Văn L là cha ruột anh Nguyễn Hữu T cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh T với chị H thể hiện: Anh Nguyễn Hữu T với chị Nguyễn Thị H do hai người quen biết nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Ông L được nhà nước ban một nền chính sách trả chậm, tại ấp A, xã P và ông L cất căn nhà trên nền đất đó, phía sau còn lại khoản đất trống. Đến năm 2013 Tâm và Hoài cất căn nhà nhỏ phía sau nhà ông L, ngang 6m, dài khoảng 3m. Nhà kết cấu gỗ tạp, vách tole, lợp tole. Vợ chồng H - T sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng anh T xảy ra cự cãi nhau và chị H đã nhiều lần bỏ về cha, mẹ chị H, anh T năng nỉ, chị H về sống được vài tháng thì lại xảy ra và chị H tiếp tục bỏ đi. Chị H với anh T không còn sống chung từ cuối năm 2021 đến nay. Chị H đã bỏ anh T đi 08 lần. Theo ông L, Tòa án cho anh T ly hôn với chị H là hợp lý. Chị H với anh T có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017.

Biên bản xác minh ngày 24/6/2022 Công an xã P cung cấp: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu chung hộ do chị Nguyễn Thị H làm chủ hộ. Hiện anh Nguyễn Hữu T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 28/6/2022 của ông Nguyễn Văn L, biên bản không lấy được lời khai anh T ngày 28/6/2022, biên bản xác minh ngày 24/6/2022 của Công an xã P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Hữu T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị H với anh T có phát sinh mâu thuẫn. Chị H với anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H với anh T có 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017, hiện Kim T sống với chị H, Hữu N sống với anh T. Đề nghị giao con tên Nguyễn Kim T cho chị H nuôi và giao cháu tên Hữu N cho anh T nuôi, chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 24/6/2022 Công an xã P cung cấp: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp Phú An A, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 3741 chung hộ do chị Nguyễn Thị H làm chủ hộ. Hiện anh Nguyễn Hữu T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 31, ngày 03/4/2017. Xét, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Chị H khai, quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2012 thì hai xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn chơi cờ bạc, đá gà, tài xỉu về đòi tiền chị H, có bao nhiêu tiền anh T chơi bởi hết không quan tâm vợ con, chị H cố gắng chịu đựng đến năm 2021 thì chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị H xin được ly hôn với anh T..

Biên bản xác minh ngày 28/6/2022 của ông Nguyễn Văn L là cha ruột anh Nguyễn Hữu T cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh T với chị H thể hiện: Anh Nguyễn Hữu T với chị Nguyễn Thị H do hai người quen biết nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Ông L được nhà nước bán một nền chính sách trả chậm, tại ấp A, xã P và ông L cất căn nhà trên nền đất đó, phía sau còn lại khoản đất trống. Đến năm 2013 Tâm và Hoài cất căn nhà nhỏ phía sau nhà ông L, ngang 6m, dài khoản 3m. Nhà kết cấu gỗ tạp, vách tole, lợp tole. Vợ chồng H - T sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng anh T xảy ra cự cãi nhau và chị H đã nhiều lần bỏ về cha, mẹ chị H, anh T nằng nể, chị H về sống được vài tháng thì lại xảy ra và chị H tiếp tục bỏ đi. Chị H với anh T không còn sống chung từ cuối năm 2021 đến nay. Chị H đã bỏ anh T đi 08 lần. Theo ông L, Tòa án cho anh T ly hôn với chị H là hợp lý. Chị H với anh T có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị H với anh T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị H với anh T đã sống xa cách nhau từ năm 2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị H ly hôn đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị H với anh T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017, hiện Kim T sống với chị H, Hữu N sống với anh T. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con tên Kim T và chị H đồng ý giao con tên Hữu N

cho anh T nuôi dưỡng và không yêu cấp dưỡng nuôi con. Nguyên Vọng của cháu Kim T muốn được sống với chị H.

Xét, giao cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017 cho anh T. Được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị H, anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H, anh T trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai giữa chị với anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị H có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì anh T vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006341 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 03/4/2017 do UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Hữu T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 10/5/2012 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và Nguyễn Hữu N, sinh ngày 08/7/2017 cho anh Nguyễn Hữu T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Hữu T cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị H, anh T trong việc qua, lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Hữu T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị H có tài sản, nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị H ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006341 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Nguyễn Hữu T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh